

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91 /2019/DS-ST

Ngày 30/12/2019

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mạnh Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Hải Huyền

2. Ông Nguyễn Văn Tư.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 30/11/2019 và ngày 30/12/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 123/2018/TLST-DS ngày 29/5/2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2019/QĐXXST – DS ngày 18/11/2019; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 45/2019/QĐST-DS ngày 30/11/2019 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1965

Địa chỉ: Kí ốt số 6,7,8 chợ M, phường M, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

- ***Bị đơn:*** Bà Hoàng Thị Ngọc L, sinh năm 1973

Địa chỉ: Số nhà 01 ngõ 23 đường M, tổ 3 phường M, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

- ***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*** Ông Mai Văn H, sinh năm 1963

Địa chỉ: Kí ốt số 6,7,8 chợ M, phường M, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

- ***Đại diện theo ủy quyền của bà N và ông H:*** Bà Ong Thị T, sinh năm 1979

Địa chỉ: Số 120 đường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (Có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án)

- ***Đại diện theo ủy quyền của bà L:*** Bà Giáp Thị V, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn V, xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (Có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị N, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Ong Thị T trình bày:

Do mối quan hệ hàng xóm quen biết, bà Nguyễn Thị N có cho bà Hoàng Thị Ngọc L tức Hoàng Thị C vay một khoản tiền để làm ăn, cụ thể: Ngày 20/8/2007 (âm lịch) tức ngày 30/9/2007 (dương lịch), bà N cho bà C vay số tiền 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng chẵn) để làm ăn, buôn bán. Về lãi suất hai bên thỏa thuận miệng với nhau tính theo lãi suất của Ngân hàng, không ghi cụ thể trong Giấy vay tiền. Về thời hạn vay bà C hứa mỗi tháng trả cho bà N số tiền là 5.000.000 đồng và mỗi lần trả tiền thì bà C sẽ ký giấy nợ để trừ số tiền vay gốc. Sau khi nhận số tiền 130.000.000đ, trực tiếp bà C viết và ký giấy vay tiền. Đến nay bà C đã trả được cho bà N số tiền 19.000.000 đồng, cụ thể:

Tháng 9/2007 bà C trả bà N số tiền 5.000.000đ

Ngày 09/10/2007 bà C trả bà N số tiền 1.000.000đ

Ngày 11/10/2007 bà C trả bà N số tiền 5.000.000đ

Ngày 22/10/2007 bà C trả bà N số tiền 1.500.000đ

Ngày 05/11/2007 bà C trả bà N số tiền 1.500.000đ

Ngày 16/12/2007 bà C trả bà N số tiền 5.000.000đ

Sau đó bà C lấy lý do làm ăn khó khăn nên xin bà N khi nào có điều kiện sẽ trả bà N toàn bộ số tiền vay còn lại cùng lãi suất. Vì là chỗ quen biết nên bà N đồng ý cho bà C khát nợ nhiều lần, song sau nhiều lần khát nợ, bà C cũng không trả được tiền cho bà N như đã hứa. Kể từ đó đến nay vợ chồng bà N thường xuyên đòi và yêu cầu bà C thanh toán khoản tiền vay gốc, lãi suất nhưng bà C không trả mà còn có thái độ lảng tránh.

Vì vậy để đảm bảo quyền lợi của mình bà N khởi kiện đề nghị buộc bà Hoàng Thị C (tên gọi khác: Hoàng Thị Ngọc L) phải trả cho bà bà ông H chồng bà là ông Mai Văn H số tiền 111.000.000đ (một trăm mười một triệu đồng) và lãi suất theo quy định pháp luật theo giấy biên nhận vay tiền ngày 20/8/2019 (AL) tức ngày 30/9/2007 (DL).

Bà N khẳng định bà Hoàng Thị Ngọc L có tên gọi khác là “C” là sự thật, cả bà con hàng xóm xung quanh khu phố đều biết và vẫn gọi bà L bằng cả 2 tên “L” và “C” mà chủ yếu chỉ gọi tên là C. Trước đây trước cửa nhà bà L còn có biển tên nhà cô Lan Cúc.

Thời điểm bà L (tức C) vay tiền của bà N, ông H thì bà L chưa lập gia đình, mặt khác số tiền này chỉ do mình bà L đứng ra vay nên bà N xác định đây là khoản vay riêng của bà L, không liên quan đến các thành viên trong gia đình bà L.

Tại Đơn khởi kiện sử đổi, bổ sung đề ngày 02/12/2019 đại diện theo ủy quyền của bà N trình bày: Do có sơ xuất, nhầm lẫn khi nêu về số tiền gốc trong đơn khởi kiện nên bà N đã trình bày nhầm số tiền khởi kiện yêu cầu bà L trả là

130.000.000đ, thực tế theo Giấy biên nhận vay tiền gốc thì bà C vay của bà N số tiền 135.000.000đ, bà C đã trả cho bà N 6 lần tổng cộng 19.000.000đ, do đó bà C (tức) L còn nợ bà N, ông H số tiền gốc là 116.000.000đ. Vì vậy nay bà N thay đổi yêu cầu khởi kiện đề nghị buộc bà Hoàng Thị C (tên gọi khác: Hoàng Thị Ngọc L) phải trả cho bà và chồng bà là ông Mai Văn H số tiền 116.000.000đ (một trăm mười sáu triệu đồng) và lãi suất theo quy định pháp luật theo giấy biên nhận vay tiền ngày 20/8/2019 (AL) tức ngày 30/9/2007 (DL).

** Tại Văn bản ý kiến ngày 11/6/2018 và quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn là bà Hoàng Thị Ngọc L và đại diện theo ủy quyền của bà L là bà Giáp Thị V trình bày:*

Giữa bà và bà Nguyễn Thị N không có mối quan hệ gì, cũng không quen biết với nhau. Bà chưa bao giờ vay số tiền 111.000.000đ (một trăm mười một triệu đồng) như lời bà Nguyễn Thị N trình bày cũng như giấy biên nhận bà N gửi cho bà qua đường bưu điện. Bà N đã nhiều lần đến nhà bà gây sự đòi tiền cũng như có lời lẽ xúc phạm bà, bản thân bà đã báo cáo đến UBND phường M nhiều lần nên bà N mới dừng lại không gây sự với gia đình bà nữa. các chữ ký, chữ viết trong giấy vay tiền không phải do bà viết ra mà do ai viết ra thì bà không rõ. Trong giấy vay tiền vay số tiền 111.000.000đ bà cũng không thấy chữ ký nhận của bà, còn mục trả tiền thì có ký chữ “C”. Bà khẳng định tên của bà từ khi khai sinh đến thời điểm này là Hoàng Thị Ngọc L, ngoài tên gọi Hoàng Thị Ngọc L ra thì bà không có tên gọi nào khác, ở gia đình bà và tại địa phương bà cũng chỉ có một tên gọi là Hoàng Thị Ngọc L, bà không bao giờ ký chữ “C”. Ngày 22/12/2007 bà đã đi lao động ở nước ngoài nên không thể ký trả tiền cho bà N như trong giấy tờ đã ghi. Đối với việc bà N khởi kiện đòi bà số tiền vay từ năm 2007, cụ thể đòi 111.000.000đ và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 30/9/2007, bà xác định bà không vay tiền của bà N. Đối với giấy vay tiền bà N cung cấp làm căn cứ đòi tiền bà, bà xác định chữ ký và chữ viết trong giấy này không phải của bà viết. Do đó bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà N, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố B bác đơn khởi kiện của bà N theo quy định pháp luật.

Tại Biên bản xác minh ngày 30/7/2018 bà Lê Thị T – Tổ phó tổ dân phố số 3, phường M, thành phố B cung cấp: Bà Hoàng Thị Ngọc L là công dân sinh sống tại địa phương đã lâu, nhà bà và nhà bà L ở gần nhau, trong cuộc sống thường ngày thì bà L sử dụng hai tên là “L” và “C”. Trong giấy tờ tùy thân tên là “L” còn trong sinh hoạt hàng ngày thì bà và mọi người trong khu đều gọi là “C”.

Quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của bà N là bà Ong Thị T có đơn đề nghị trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết trong Giấy vay tiền đề ngày 20/8/2007 âm lịch với chữ ký “L”, chữ viết “Hoàng Thị Ngọc L”: tại Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Giang và Viện khoa học hình sự - Bộ Công an nhưng không đủ cơ sở kết luận chữ ký “C” và chữ viết trên mẫu cần giám định so với chữ ký, chữ viết của bà Hoàng Thị Ngọc L có phải cùng do một người ký, viết ra hay không. Bà T tiếp tục đề nghị Tòa án thu thập chữ ký,

chữ viết của bà Hoàng Thị Ngọc L tại Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số công chứng 468/2017, quyển số 12 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/02/2017 tại Văn phòng Công chứng Đ&T để làm mẫu so sánh giám định chữ ký, chữ viết trong giấy vay tiền. Tại Kết luận giám định số 326/C09-P5 ngày 14/10/2019 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an đã kết luận: “Chữ ký “C” và chữ viết trên mẫu giám định A (Giấy vay tiền) so với chữ ký, chữ viết của Hoàng Thị Ngọc L trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 do cùng một người viết, ký ra”.

Tại phiên tòa:

-Phiên tòa ngày 30/11/2019, đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị tạm ngừng phiên tòa để cung cấp tài liệu và đề nghị giám định lại, Tòa án đã tạm ngừng phiên tòa và ra thông báo nộp tiền tạm ứng chi phí giám định nhưng phía bị đơn không cung cấp thêm tài liệu gì và không nộp tiền tạm ứng chi phí giám định.

-Tại phiên tòa hôm nay:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: yêu cầu khởi kiện đề nghị buộc bà Hoàng Thị C (tên gọi khác: Hoàng Thị Ngọc L) phải trả cho bà N số tiền 111.000.000đ và lãi suất theo quy định pháp luật theo giấy biên nhận vay tiền ngày 20/8/2019 (AL) tức ngày 30/9/2007 (DL) tính từ ngày khởi kiện 17/5/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm. Đối với tiền chi phí định giá, phía nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải chịu toàn bộ.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn không có ý kiến gì về việc yêu cầu giám định lại trong phiên tòa ngày 30/11/2019, nhưng vẫn xác định bị đơn không vay tiền của nguyên đơn và không đồng ý trả tiền cho nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và trình bày quan điểm giải quyết đối với vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Hoàng Thị Ngọc L (tên gọi khác: Hoàng Thị C) phải trả bà Nguyễn Thị N 128.938.700 đồng, trong đó có 111.000.000 đồng tiền vay và 17.938.700 đồng tiền lãi.

2. Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không chấp hành án hoặc chấp hành không đầy đủ thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả đối với số tiền chậm thi hành án.

3. Về án phí:

- Bà Hoàng Thị Ngọc L phải chịu 6.446.900 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả bà Nguyễn Thị N số tiền 2.775.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

4. Về chi phí tố tụng:

- Bà Hoàng Thị Ngọc L phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn là các nhân khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền gốc, tiền lãi theo Giấy vay tiền nên xác định quan hệ pháp luật là quan hệ dân sự “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B.

[1.2] Về pháp luật áp dụng: Giao dịch hợp đồng giữa các bên đang thực hiện có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết nội dung vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

Đối với yêu cầu trả nợ gốc và lãi của nguyên đơn:

Nguyên đơn khởi kiện đòi tiền vay 111.000.000 đồng và xuất trình giấy vay tiền, tại Giấy vay tiền này có nội dung ghi Hoàng Thị C vay của cô N số tiền 135.000.000 đồng vào ngày 20/8/2007 âm lịch và thể hiện nội dung đã trả được 06 lần với tổng mức tiền trả là 19.000.000 đồng, dưới mỗi lần trả triền đều ký tên “C”. Phía bị đơn không thừa nhận nội dung giấy vay này và cho rằng bị đơn tên là Hoàng Thị Ngọc L không phải tên là C. Tuy nhiên, tại biên bản xác minh của Tòa án ngày 30/7/2018 tại tổ dân phố số 3, phường M, thành phố B, đại diện Tổ phó tổ dân phố số 3, phường M, thành phố B cung cấp: Bà Hoàng Thị Ngọc L là công dân sinh sống tại địa phương đã lâu, trong cuộc sống thường ngày thì bà L sử dụng hai tên là “L” và “C”. Trong giấy tờ tùy thân tên là “L” còn trong sinh hoạt hàng ngày thì bà và mọi người trong khu đều gọi là “C”. Mặt khác, tại Kết luận giám định số 326/C09-P5 ngày 14/10/2019 của Viện khoa học hình sự, Bộ Công an đã căn cứ mẫu chữ ký trong Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số công chứng 468/2017, quyền số 12 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/02/2017 tại Văn phòng Công chứng Đ&T để làm mẫu so sánh giám định chữ ký, chữ viết trong giấy vay tiền, đã kết luận: “Chữ ký “Cúc” và chữ viết trên mẫu giám định A (Giấy vay tiền) so với chữ ký, chữ viết của Hoàng Thị Ngọc L trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 do cùng một người viết, ký ra”. Do vậy, đủ căn cứ xác định Giấy vay tiền mà nguyên đơn cung cấp là đúng chữ ký và chữ viết thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn, nên đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện về số tiền vay nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả là 111.000.000 đồng.

Đối với tiền lãi nguyên đơn yêu cầu, Hội đồng xét xử xét thấy nội dung trong Giấy vay tiền không thỏa thuận lãi suất, phía nguyên đơn yêu cầu trả tiền lãi tính từ ngày khởi kiện đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất quy định của pháp luật, nên cần chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn, đối với mức lãi suất áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự là 10%/ năm, bằng 0,833%/tháng, bằng 0,027%/ ngày. Cụ thể, từ ngày khởi kiện là 17/5/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 30/12/2019 là 01 năm 07 tháng 13 ngày, tính thành tiền như sau:

$111.000.000 \times 10\% + 111.000.000 \text{ đồng} \times 7 \text{ tháng} \times 0,83\% + 111.000.000 \text{ đồng} \times 13 \times 0,027\% = 17.938.700 \text{ đồng}.$

Như vậy, tổng số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 128.938.700 đồng, trong đó có 111.000.000 đồng tiền vay và 17.938.700 đồng tiền lãi.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền bị buộc phải trả theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4]. Về chi phí tố tụng: Đối với chi phí giám định, do kết luận giám định theo nguyên đơn yêu cầu đã xác định chữ viết trong Giấy vay tiền là của bị đơn viết nên cần buộc bị đơn phải chịu toàn bộ tiền chi phí giám định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 274, Điều 278, Điều 463, Điều 465, khoản 2 Điều 468, Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Hoàng Thị Ngọc L (tên gọi khác: Hoàng Thị C) phải trả bà Nguyễn Thị N 128.938.700 đồng, trong đó có 111.000.000 đồng tiền vay và 17.938.700 đồng tiền lãi.

2. Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không chấp hành án hoặc chấp hành không đầy đủ thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả đối với số tiền chậm thi hành án.

3. Về án phí:

- Bà Hoàng Thị Ngọc L phải chịu 6.446.900 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả bà Nguyễn Thị N số tiền 2.775.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2012/06783 ngày 29/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

4. Về chi phí tố tụng:

- Bà Hoàng Thị Ngọc L phải chịu 7.010.000 đồng chi phí tố tụng. Bà Nguyễn Thị N được nhận lại số tiền 7.010.000 đồng chi phí tố tụng khi bà Hoàng Thị Ngọc L thi hành bản án.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt khi tuyên án có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND T. Bắc Giang;
- VKSND T. Bắc Giang
- VKS TP B,
- CCTHA dân sự TP.
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Mạnh Thắng

